

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hải Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

**- T ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 137/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Anh T, sinh năm 1970; HKTT: Số 2 ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1970; HKTT: Số 2 ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương;

Nguyên đơn bà T, ông Đ có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 24/4/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Anh T trình bày:**

Bà Mai Anh T và ông Nguyễn Minh Đ chung sống với nhau từ năm 1990 hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 12/7/2004.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc tuy nhiên khoảng thời gian gần đây thì bà T và ông Đ thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ông

Đ đi làm về không đưa tiền phụ giúp gia đình, thường xuyên xúc phạm bà T và gia đình bà T, chửi bới bà T và các con. Thỉnh thoảng ông Đ còn đánh đập bà T; lần gần đây nhất là vào tối ngày 15/8/2020, ông Đ có đánh đập bà T, đốt phá đồ đạc trong gia đình bà T phải báo Công an xã giải quyết. Nhiều lần ông Đ có hứa thay đổi tuy nhiên cho đến nay thì ông Đ vẫn không thay đổi.

Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

Quá trình chung sống, bà T và ông Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005 và Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1992. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1992 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005 từ nhỏ đến nay bị bệnh về thần kinh, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện D trợ cấp xã hội đối với người bị tâm thần. Bà T không yêu cầu Tòa án tuyên bố Nguyễn Minh T1 mất năng lực hành vi dân sự; đồng thời bà T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

***\* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày:***

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà T về quá trình chung sống, cũng như về con chung và việc có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn gia đình do có những bất đồng trong sinh hoạt nên ông Đ có nóng tính chửi vợ con. Ông Đ thừa nhận ngày 15/8/2020, do bức tức ông Đ có đánh đập bà T, đốt phá đồ đạc trong gia đình nên bà T có báo Công an xã đến giải quyết.

Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông Đ không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con. Mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau cùng nuôi nấng chăm sóc con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Quá trình chung sống, bà T và ông Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005 và Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1992. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1992 đã trưởng thành có gia đình riêng. Đối với con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005 từ nhỏ đến nay bị bệnh về thần kinh, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện D trợ cấp xã hội đối với người bị tâm thần. Ông Đ không yêu cầu Tòa án tuyên bố Nguyễn Minh T1 mất năng lực hành vi dân sự.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông Đ và bà T ly hôn thì ông Đ đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung thì ông Đ không có ý kiến.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1992 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

*\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T thì ông Đ là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Anh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn và về việc nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Minh Đ có hộ khẩu Thường trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T và ông Đ thống nhất trình bày con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005 từ nhỏ đến nay bị bệnh về thần kinh, được Ủy ban nhân dân xã trợ cấp xã hội đối với người bị tâm thần. Bà T, ông Đ không yêu cầu Tòa án tuyên bố Nguyễn Minh T1 mất năng lực hành vi dân sự; do đó Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mai Anh T và ông Nguyễn Minh Đ chung sống với nhau từ năm 1990 hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 12/7/2004. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà T trình bày trong quá trình chung sống thời gian gần đây nay thì bà T và ông Đ thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ông Đ đi làm về không đưa tiền phụ giúp gia đình, thường xuyên xúc phạm bà T và gia đình bà T, chửi bới bà T

và các con. Thỉnh thoảng ông Đ còn đánh đập bà T; lần gần đây nhất là vào tối ngày 15/8/2020, ông Đ có đánh đập bà T, đốt phá đồ đạc trong gia đình bà T phải báo Công an xã giải quyết. Nhiều lần ông Đ có hứa thay đổi tuy nhiên cho đến nay thì ông Đ vẫn không thay đổi. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ. Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà T về quá trình chung sống, cũng như về con chung và việc có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn gia đình do có những bất đồng trong sinh hoạt nên ông Đ có nóng tính chửi vợ con. Ông Đ thừa nhận ngày 15/8/2020, ông Đ có đánh bà T, đốt phá đồ đạc trong gia đình nên bà T có báo Công an xã đến giải quyết. Ông Đ không đồng ý ly hôn với bà T vì xác định vẫn còn yêu thương vợ con.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Ông Đ không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà T kiên quyết xin ly hôn. Đồng thời căn cứ vào biên bản xác minh ngày 18/8/2020 tại Công an xã B, huyện D và lời thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa có căn cứ để xác định ngày 15/8/2020, ông Đ có hành vi đánh đập bà T, đốt phá đồ đạc trong gia đình như vậy ông Đ đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng. Bà T, ông Đ không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông Đ đã trầm trọng. Nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

#### [2.2] Về con chung:

Bà T và ông Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005 và Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1992. Bà T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1992 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn thống nhất giao con chung tên Nguyễn Minh T1, 11/10/2005 cho nguyên đơn bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1992 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Anh T đối với ông Nguyễn Minh Đ về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Anh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/10/2005 cho bà Mai Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Anh T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Mai Anh T và ông Nguyễn Minh Đ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1992 đã thành niên các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Mai Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà T đã

nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0032740 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hải Nam**